TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 8- 2019
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Toàn
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/01/2019, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc A có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/6/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh A thường xuyên rượu chè, say sưa rồi về nhà đánh đập, chửi bới chị và không quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh A để ổn định cuộc sống của bản thân. Quá trình chung

sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thảo H, sinh ngày 06/8/2007; Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/8/2010. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng nếu anh A không nhất trí việc cấp dưỡng thì chị cũng không yêu cầu. Quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai anh Nguyễn Ngọc A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng vào làm ăn và sinh sống tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận, cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2010 thì vợ chồng chuyển về thành phố V sinh sống. Đến tháng 4/2014 thì anh xin việc cho chị T làm tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình nên vợ chồng về sống tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình từ đó đến nay. Đến tháng 5/2018, anh gây tai nạn làm chết người nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Minh H, còn nếu con có nguyện vọng ở với mẹ và mẹ đủ điều kiện để nuôi dưỡng con thì anh cũng đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc A, hiện tại anh A có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/6/2006. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả. Nguyên nhân là do anh A thường xuyên rượu chè, say sưa, không quan tâm

đến gia đình, vợ con. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân thị xã B đã tiến hành hoà giải nhiều lần, động viên chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Vì chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, còn anh A thì không nhất trí ly hôn mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho chị T được ly hôn với anh A là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh A có 02 con chung: Nguyễn Thảo H, sinh ngày 06/8/2007; Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/8/2010. Nếu vợ chồng ly hôn chị Thảo và anh A thoả thuận giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Xét thấy sự thoả thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của 02 con nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình giao 02 con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

[4] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị Th và anh A có một số tài sản chung, nhưng hai bên tự thoả thuận giải quyết không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao 02 con chung: Nguyễn Thảo H, sinh ngày 06/8/2007 và Nguyễn Minh H, sinh ngày

19/8/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002339, ngày 18/4/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.